

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NHIỆT ĐIỆN HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4742/NDHP-TCLĐ
V/v công bố Báo cáo tài chính
bán niên soát xét.

Hải Phòng, ngày 19 tháng 8 năm 2015

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.

Trụ sở chính: xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: (031). 3775.161


Fax: (031).3775.162

Người thực hiện công bố thông tin: ông Nguyễn Thường Quang, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng:

- Địa chỉ: xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.
- Điện thoại: (031). 3775.161, di động: 0913.385.061 Fax: (031).3775.162
- Số CMND: 031.586.009 do CA Hải Phòng cấp ngày 4/11/2005.
- Email: Quangnt@ndhp.vn.
- Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ.
- Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính bán niên soát xét năm 2015.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã đăng ký.

Tài liệu đính kèm:

- Bảng cân đối kế toán.
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- Thuyết minh báo cáo tài chính. , 

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS C.ty (đề b/c);
- TGD, P.TGD C.ty;
- P.TCKT;
- Phòng HC (đăng Website C.ty);
- Lưu: VT, TCLĐ.

**TỔNG GIÁM ĐỐC
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



Nguyễn Thường Quang

Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN HẢI PHÒNG
(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Hữu Nam	Chủ tịch
Ông Trương Hoàng Vũ	Thành viên
Ông Nguyễn Thường Quang	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Quyên	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thanh	Thành viên
Ông Lê Ngọc Nam	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Luyện	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Thường Quang	Tổng Giám đốc
Ông Hà Quang Giới	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Sơn Bá	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN HẢI PHÒNG

Xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc.



Nguyễn Thường Quang
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2015

Số: 50 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 12 tháng 8 năm 2015, từ trang 5 đến trang 29. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty và Công ty Mua bán Điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam - vẫn chưa ký hợp đồng sửa đổi bổ sung chính thức về giá mua bán điện áp dụng cho năm 2015. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty và Công ty Mua bán điện đang trong quá trình đàm phán để thống nhất về giá mua bán điện theo quy định tại Thông tư số 56/2014/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công thương theo yêu cầu của Cục Điều tiết Điện lực và Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Doanh thu bán điện của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 được xác định như sau:

- Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 28 tháng 02 năm 2015: doanh thu của Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 1 được xác định dựa trên giá điện quy định trong Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 03/2014/HĐ-NMĐ-HP của Hợp đồng mua bán điện; doanh thu của Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2 được xác định theo đơn giá thỏa thuận theo Hợp đồng mua bán điện Nhà máy nhiệt điện Hải Phòng 2 số 01/2015/HĐ-NMĐ-HP.
- Giai đoạn từ ngày 01 tháng 3 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015: doanh thu được xác định theo đơn giá do Công ty Mua bán điện tính toán trong biên bản đàm phán giá điện của Nhà máy điện Hải Phòng 1 và Hải Phòng 2 ngày 25 tháng 3 năm 2015 theo chỉ đạo của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại Văn bản số 1810/EVN-TTĐ-TCKT ngày 15 tháng 5 năm 2015.

Doanh thu bán điện của 2 nhà máy nhiệt điện trên sẽ được điều chỉnh lại khi có phê duyệt chính thức. Ban Giám đốc tin tưởng ảnh hưởng của các điều chỉnh (nếu có) không ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các vấn đề cần nhấn mạnh (Tiếp theo)

Như trình bày tại Thuyết minh số 9 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty áp dụng chính sách phân bổ lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh từng giai đoạn/năm trên cơ sở quyết định của Ban Giám đốc và trong thời gian tối đa 5 năm.

Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, công nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 969.879.944.233 VND (31 tháng 12 năm 2014: 1.162.790.404.737 VND). Kế hoạch cụ thể của Ban Giám đốc liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 2. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 12 tháng 8 năm 2015
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phan Ngọc Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1101-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		2.145.156.035.093	1.888.510.545.608
I. Tiền	110	5	189.769.901.069	114.831.544.482
1. Tiền	111		189.769.901.069	114.831.544.482
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.486.498.601.098	1.212.592.044.606
1. Phải thu khách hàng	131		1.362.654.382.385	1.087.005.667.637
2. Trả trước cho người bán	132		6.577.017.080	10.678.609.714
3. Các khoản phải thu khác	135		117.267.201.633	114.907.767.255
III. Hàng tồn kho	140		467.233.390.926	559.771.958.020
1. Hàng tồn kho	141	6	467.233.390.926	559.771.958.020
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.654.142.000	1.314.998.500
1. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.654.142.000	1.314.998.500
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		17.764.689.840.521	18.685.421.139.910
I. Tài sản cố định	220		17.176.946.271.906	18.087.410.372.357
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	17.100.008.646.330	17.919.401.087.574
- Nguyên giá	222		22.253.483.725.953	22.125.974.000.695
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.153.475.079.623)	(4.206.572.913.121)
2. Tài sản cố định vô hình	227		409.934.422	497.850.000
- Nguyên giá	228		1.129.676.847	1.129.676.847
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(719.742.425)	(631.826.847)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	76.527.691.154	167.511.434.783
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		5.000.000.000	5.000.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		5.000.000.000	5.000.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		582.743.568.615	593.010.767.553
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	582.743.568.615	593.010.767.553
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		19.909.845.875.614	20.573.931.685.518

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		14.375.999.045.262	15.005.902.408.774
I. Nợ ngắn hạn	310		3.115.035.979.326	3.051.300.950.345
1. Vay ngắn hạn	311	10	1.969.764.333.380	2.147.774.515.816
2. Phải trả người bán	312	11	541.451.443.323	458.796.216.489
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		44.875.459.353	7.729.021.105
4. Phải trả người lao động	315		28.657.817.150	40.176.890.196
5. Chi phí phải trả	316	12	460.944.918.549	346.157.296.842
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		26.244.656.127	32.278.339.425
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	353		43.097.351.444	18.388.670.472
II. Nợ dài hạn	330		11.260.963.065.936	11.954.601.458.429
1. Vay dài hạn	334	13	11.260.963.065.936	11.954.601.458.429
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		5.533.846.830.352	5.568.029.276.744
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	5.533.846.830.352	5.568.029.276.744
1. Vốn điều lệ	411		5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		196.652.770.150	196.652.770.150
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		33.683.411.537	29.349.570.341
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.263.095.057	3.263.095.057
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		300.247.553.608	338.763.841.196
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		19.909.845.875.614	20.573.931.685.518



Nguyễn Thường Quang
 Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2015

Nguyễn Minh Thành
 Kế toán trưởng

Phạm Quốc Toàn
 Người lập

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 02a-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2015	Từ ngày 01/01/2014
			đến ngày 30/6/2015	đến ngày 30/6/2014
1 Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	10	15	5.074.090.096.185	4.104.491.378.499
2 Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	16	4.093.781.816.487	3.151.191.243.956
3 Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		980.308.279.698	953.300.134.543
4 Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	1.277.528.778	1.374.411.899
5 Chi phí tài chính	22	18	640.063.566.571	629.884.197.171
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		419.641.052.194	347.573.874.966
6 Chi phí quản lý doanh nghiệp	24		41.385.260.917	28.275.748.806
7 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-24)	30		300.136.980.988	296.514.600.465
8 Thu nhập khác	31		2.631.097.862	2.402.874.851
9 Chi phí khác	32		2.489.338.093	2.634.216.137
10 Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40=31-32)	40		141.759.769	(231.341.286)
11 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		300.278.740.757	296.283.259.179
12 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	19	31.187.149	-
13 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		300.247.553.608	296.283.259.179
14 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	20	600	593



Nguyễn Thường Quang
Tổng Giám đốc

Nguyễn Minh Thành
Kế toán trưởng

Phạm Quốc Toàn
Người lập

Ngày 12 tháng 8 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 03a-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	300.278.740.757	296.283.259.179
2. Điều chỉnh cho các khoản:		1.586.424.522.218	1.334.237.249.303
Khấu hao tài sản cố định	02	947.687.894.776	771.294.723.885
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	220.422.514.377	217.013.062.351
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.326.939.129)	(1.644.411.899)
Chi phí lãi vay	06	419.641.052.194	347.573.874.966
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.886.703.262.975	1.630.520.508.482
Thay đổi các khoản phải thu	09	(1.074.647.373.841)	(1.274.714.207.838)
Thay đổi hàng tồn kho	10	92.538.567.094	3.953.118.099
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	213.452.883.899	418.470.757.350
Thay đổi chi phí trả trước	12	10.267.198.938	(85.268.706.152)
Tiền lãi vay đã trả	13	(422.955.119.905)	(519.397.116.511)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(37.058.169)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	429.850.000	624.050.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(10.090.657.126)	(6.766.210.717)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	695.661.553.865	167.422.192.713
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(37.217.234.772)	(1.071.412.671.140)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	135.000.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.191.939.129	1.644.411.899
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(35.890.295.643)	(1.069.768.259.241)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	964.368.816.358	2.854.414.677.435
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.252.106.262.690)	(2.000.466.597.273)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(297.095.455.303)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(584.832.901.635)	853.948.080.162
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	74.938.356.587	(48.397.986.366)
Tiền đầu kỳ	60	114.831.544.482	164.136.853.373
Tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	189.769.901.069	115.738.867.007

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

- Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm số tiền 222.824.920.648 VND, là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.
- Tiền chi trả nợ gốc vay trong kỳ không bao gồm số tiền 800.401.673.849 VND, là khoản nợ đến hạn trả đã được thanh toán bù trừ với khoản phải thu tiền điện từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.



Nguyễn Thường Quang
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2015

Nguyễn Minh Thành
Kế toán trưởng

Phạm Quốc Toàn
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000279 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 17 tháng 9 năm 2002 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi, bổ sung.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi là 5.000.000.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 891 người (31 tháng 12 năm 2014: 893 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là đầu tư, xây dựng, quản lý và vận hành nhà máy nhiệt điện; khai thác khoáng sản; bảo dưỡng, sửa chữa các công trình nhiệt điện, các công trình kiến trúc của nhà máy điện; dịch vụ thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện; đào tạo, dạy nghề quản lý thiết bị vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện.

Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 1 đã chính thức phát điện thương mại trong tháng 7 năm 2011. Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2 đã chính thức phát điện thương mại cho tổ máy số 3 vào tháng 2 năm 2014, tổ máy số 4 vào tháng 5 năm 2014.

Tổng vốn đầu tư theo tổng mức đầu tư sửa đổi của Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 1 là 12.648.006.000.000 VND, tương đương 666,2 triệu USD.

Tổng vốn đầu tư của Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2 là 13.039.451.179.994 VND, tương đương 639,39 triệu USD.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hoạt động liên tục

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, công nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 969.879.944.233 VND (31 tháng 12 năm 2014: 1.162.790.404.737 VND). Vấn đề này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Ban Giám đốc đã đưa ra các giải pháp bao gồm: tăng thêm các khoản vay phục vụ đầu tư theo kế hoạch nhằm cân đối khả năng thanh toán; sử dụng dòng tiền thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh do Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2 đã chính thức phát điện thương mại. Ban Giám đốc cho rằng với các kế hoạch nêu trên, Công ty sẽ đảm bảo đủ vốn phục vụ cho hoạt động đầu tư và hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian tới. Vì vậy, báo cáo tài chính được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục là phù hợp. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn nêu trên.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Ngày 18 tháng 5 năm 2015, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 75/2015/TT-BTC sửa đổi bổ sung Điều 128 Thông tư 200, trong đó, cho phép doanh nghiệp lựa chọn áp dụng Thông tư 200 hoặc Quyết định 15 khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ (báo cáo tài chính quý và báo cáo tài chính bán niên) của năm 2015. Công ty đã lựa chọn áp dụng Quyết định 15 thay cho Thông tư 200 trong việc lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư dài hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc, thiết bị	6 - 20
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 15
Thiết bị văn phòng	3 - 10
Tài sản khác	10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị các phần mềm máy tính của Công ty và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản chi phí đền bù đất và lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí đền bù đất phản ánh số tiền chi đền bù giải phóng mặt bằng để xây dựng nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 1 và nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2. Chi phí đền bù được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 25 năm.

Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về ngoại tệ (xem chi tiết dưới đây).

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí nạo vét cảng nhập nguyên vật liệu và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu được ghi nhận khi có biên bản xác nhận lượng điện phát lên lưới điện Quốc gia và hoá đơn được phát hành. Doanh thu bán điện được ghi nhận không phụ thuộc vào việc đã nhận được tiền hay chưa.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng, bao gồm chênh lệch tỷ giá đã thực hiện và chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại tại thời điểm cuối kỳ, được ghi nhận vào khoản mục "Chi phí trả trước dài hạn" trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong kỳ dựa trên kế hoạch sửa chữa lớn hàng năm và được điều chỉnh vào cuối năm dựa trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN

	<u>30/6/2015</u> VND	<u>31/12/2014</u> VND
Tiền mặt	585.779.189	25.014.941
Tiền gửi ngân hàng	189.184.121.880	114.806.529.541
	<u>189.769.901.069</u>	<u>114.831.544.482</u>

6. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/6/2015</u> VND	<u>31/12/2014</u> VND
Nguyên vật liệu	440.961.380.625	416.459.550.753
Công cụ, dụng cụ	26.272.010.301	143.312.407.267
	<u>467.233.390.926</u>	<u>559.771.958.020</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN HẢI PHÒNGXã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN**7. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2015	10.117.469.584.723	10.993.578.326.770	801.360.141.295	212.508.197.659	1.057.750.248	22.125.974.000.695
Mua sắm mới	-	-	976.818.182	36.350.000	-	1.013.168.182
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	88.507.096.536	27.569.779.938	9.022.343.878	1.771.834.185	-	126.871.054.537
Tăng khác	-	133.000.000	183.755.682	-	-	316.755.682
Thanh lý	-	-	(691.253.143)	-	-	(691.253.143)
Tại ngày 30/6/2015	10.205.976.681.259	11.021.281.106.708	810.851.805.894	214.316.381.844	1.057.750.248	22.253.483.725.953
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2015	2.173.302.134.279	1.812.018.811.686	140.653.985.476	80.478.690.963	119.290.717	4.206.572.913.121
Trích khấu hao trong năm	374.695.030.185	540.550.240.560	21.399.224.292	10.963.108.553	52.887.510	947.660.491.100
Giảm khác	-	-	-	(67.071.455)	-	(67.071.455)
Thanh lý	-	-	(691.253.143)	-	-	(691.253.143)
Tại ngày 30/6/2015	2.547.997.164.464	2.352.569.052.246	161.361.956.625	91.374.728.061	172.178.227	5.153.475.079.623
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2015	7.657.979.516.795	8.668.712.054.462	649.489.849.269	122.941.653.783	885.572.021	17.100.008.646.330
Tại ngày 31/12/2014	7.944.167.450.444	9.181.559.515.084	660.706.155.819	132.029.506.696	938.459.531	17.919.401.087.574

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 với giá trị là 6.961.874.148 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.752.314.273 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 13, các tài sản hình thành từ vốn vay của: (1) khoản vay hợp vốn do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng là đầu mối; và (2) khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND	Năm 2014 VND
Số dư đầu kỳ	167.511.434.783	11.677.316.360.353
Tăng trong kỳ	36.644.526.413	524.392.441.713
Kết chuyển tăng tài sản cố định hữu hình	126.871.054.537	11.840.878.889.384
Kết chuyển tăng chi phí trả trước dài hạn	-	175.948.790.143
Giảm khác	757.215.505	17.369.687.756
Số dư cuối kỳ	76.527.691.154	167.511.434.783

Giá trị các công trình xây dựng cơ bản dở dang cuối kỳ được chi tiết như sau:

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Giải phóng mặt bằng	25.500.000	25.500.000
Giá trị xây lắp	50.462.725.873	131.992.077.179
Giá trị thiết bị	24.975.856.407	15.366.426.311
Khác	1.063.608.874	20.127.431.293
	76.527.691.154	167.511.434.783

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Lỗi chênh lệch tỷ giá	392.119.034.536	392.119.034.536
Công cụ, dụng cụ	14.602.353.897	20.841.767.127
Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng	176.022.180.182	180.049.965.890
Tại ngày 30/6	582.743.568.615	593.010.767.553

Công ty thực hiện phân bổ lỗi chênh lệch tỷ giá giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh từng giai đoạn/năm theo quyết định của Ban Giám đốc và không quá 5 năm kể từ năm 2011 - năm bắt đầu sản xuất kinh doanh. Trong 6 tháng đầu năm 2015, Ban Giám đốc Công ty quyết định chưa thực hiện phân bổ tiếp khoản mục này vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng chính sách phân bổ chênh lệch tỷ giá hiện tại là phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty và phù hợp với thời hạn phân bổ theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN HẢI PHÒNGXã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN**10. VAY NGẮN HẠN**

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng	-	84.267.624.563
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Phòng	-	102.202.366.611
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 13)	1.969.764.333.380	1.961.304.524.642
	1.969.764.333.380	2.147.774.515.816

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Viện Năng Lượng	1.322.655.249	4.359.802.040
Nhà thầu DongFang	196.970.598.349	269.277.839.680
Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam	200.399.315.934	48.385.205.526
Tổng Công ty Đông Bắc	85.526.363.741	76.678.366.492
Các đối tượng khác	57.232.510.050	60.095.002.751
	541.451.443.323	458.796.216.489

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	248.843.173.161	252.157.240.872
Chi phí sửa chữa lớn phải trả	203.124.961.606	76.335.817.288
Chi phí phải trả khác	8.976.783.782	17.664.238.682
	460.944.918.549	346.157.296.842

Chi phí sửa chữa lớn phải trả phản ánh số tiền được trích theo kế hoạch cho các hạng mục sửa chữa lớn của 6 tháng đầu năm 2015 theo Quyết định số 1502/QĐ-NĐHP-HĐQT của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 07 tháng 5 năm 2014.

13. VAY DÀI HẠN

		30/6/2015			31/12/2014		
		VND	Trong đó: USD	JPY	VND	Trong đó: USD	JPY
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	(i)	4.054.329.260.408	-186.149.179	-	4.311.525.384.929	201.661.618	-
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	(ii)	6.483.897.944.449	297.699.630	-	6.717.856.775.978	314.238.498	-
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	(iii)	687.004.406.771	-	3.870.229.321	737.504.605.564	-	4.192.749.321
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	(iv)	757.913.382.650	-	4.269.694.004	804.684.981.404	-	4.574.673.004
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	(v)	263.488.115.363	7.968.750	-	381.479.155.977	10.625.000	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	(vi)	785.000.000.000	-	-	835.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	(vii)	199.094.289.675	-	-	127.855.079.219	-	-
		13.230.727.399.316	491.817.559	8.139.923.325	13.915.905.983.071	526.525.116	8.767.422.325
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)		1.969.764.333.380	69.415.101	1.254.998.000	1.961.304.524.642	69.415.101	1.254.998.000
Số phải trả sau 12 tháng		11.260.963.065.936			11.954.601.458.429		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. VAY DÀI HẠN (Tiếp theo)****(i) Tập đoàn Điện lực Việt Nam - khoản vay 1**

Khoản vay ngoại tệ (USD), nhận nợ lại khoản vay giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc theo Hợp đồng tín dụng tài trợ số BLA 05135 với tổng giá trị khoản vay 278.034.200 USD cộng 85% giá trị phí bảo hiểm tín dụng xuất khẩu của Công ty Bảo hiểm Tín dụng Xuất khẩu Trung Quốc. Khoản vay được sử dụng để thanh toán phần khối lượng công việc hoàn thành của dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 1. Thời hạn vay 166 tháng, ân hạn 46 tháng. Khoản vay chịu lãi suất 5,08%/năm; phí cam kết khoản vay 0,3%/năm; phí bảo lãnh của Bộ Tài chính và phí cho vay lại lần lượt là 0,5%/năm và 0,2%/năm trên dư nợ gốc vay. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 21 tháng 01 năm 2012. Gốc vay được trả 6 tháng/lần.

(ii) Tập đoàn Điện lực Việt Nam - khoản vay 2

Khoản vay ngoại tệ (USD), nhận nợ lại khoản vay giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc theo Hợp đồng tín dụng tài trợ số BLA 0701 với tổng giá trị khoản vay 327.182.260 USD. Khoản vay được sử dụng để thanh toán phần khối lượng công việc hoàn thành của dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2. Khoản vay chịu lãi suất 5,62%/năm; phí cam kết khoản vay 0,3%/năm; phí bảo lãnh của Bộ Tài chính và phí cho vay lại lần lượt là 0,25%/năm và 0,2%/năm trên dư nợ gốc vay. Gốc vay được trả trong 19 kỳ bán niên, ngày trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 21 tháng 10 năm 2014. Khoản vay được Chính phủ bảo lãnh, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng vay lại của EVN.

(iii) Tập đoàn Điện lực Việt Nam - khoản vay 3

Khoản vay ngoại tệ (JPY), nhận nợ lại khoản vay giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) với tổng giá trị khoản vay 7.740.469.321 JPY. Khoản vay được sử dụng để thanh toán phần khối lượng công việc hoàn thành của dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 1. Khoản vay chịu lãi suất 1,76%/năm, phí cam kết khoản vay 0,1%/năm; phí rủi ro tín dụng, phí bảo lãnh của Bộ Tài chính và phí cho vay lại lần lượt là 1,45%/năm, 0,5%/năm và 0,2%/năm trên dư nợ gốc vay. Gốc vay được trả 6 tháng/lần với thời hạn trả nợ gốc là 11 năm 6 tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 20 tháng 8 năm 2009.

(iv) Tập đoàn Điện lực Việt Nam - khoản vay 4

Khoản vay ngoại tệ (JPY), nhận nợ lại khoản vay giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) với tổng giá trị khoản vay 7.319.484.004 JPY. Khoản vay được sử dụng để thanh toán phần khối lượng công việc hoàn thành của dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2. Khoản vay chịu lãi suất 2,44%/năm, phí cam kết khoản vay 0,04%/năm; phí rủi ro tín dụng, phí bảo lãnh của Bộ Tài chính và phí cho vay lại lần lượt là 1,52%/năm, 0,25%/năm và 0,2%/năm trên dư nợ gốc vay. Gốc vay được trả 6 tháng/lần với thời hạn trả nợ gốc là 11 năm 6 tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 20 tháng 12 năm 2010.

(v) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Khoản vay hợp vốn theo hợp đồng tín dụng "Dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng" ngày 07 tháng 3 năm 2005 ký giữa Công ty với các ngân hàng thương mại Việt Nam, trong đó Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng làm đầu mối. Hạn mức tín dụng là 42.500.000 USD và 1.306.775.000.000 VND, được sử dụng để đầu tư xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 1. Khoản vay bằng USD chịu lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm USD bình quân 12 tháng trả lãi sau cộng 2,7%/năm. Khoản vay bằng VND chịu lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND bình quân trả lãi sau cộng 3%/năm. Tiền gốc của các khoản vay bằng USD và VND sẽ được hoàn trả trong vòng 16 lần, 6 tháng/lần với tỷ lệ trả nợ bằng 6,25% trên tổng số dư nợ gốc của các khoản vay bằng USD và VND, bắt đầu từ ngày 25 của tháng kết thúc kỳ hạn 42 tháng sau ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay đã được giải ngân lần đầu vào ngày 25 tháng 11 năm 2005. Khoản vay này được bảo đảm bằng các tài sản cầm cố, thế chấp của Công ty hình thành từ việc xây dựng nhà máy và được bảo lãnh bằng việc cầm cố cổ phần của các cổ đông.

FY
DU HA
TE
M
P. H

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN HẢI PHÒNG

Xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. VAY DÀI HẠN (Tiếp theo)**(vi) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - khoản vay 1**

Khoản vay theo hợp đồng tín dụng ngày 24 tháng 9 năm 2009 ký giữa Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm. Hạn mức tín dụng là 900 tỷ VND, được sử dụng để thanh toán các chi phí của dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam cộng (+) 3,0%/năm. Thời gian ân hạn 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian trả nợ gốc 120 tháng kể từ ngày 31 tháng 5 năm 2013. Gốc vay được hoàn trả trong 20 kỳ bán niên. Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(vii) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - khoản vay 2

Khoản vay theo hợp đồng tín dụng ngày 18 tháng 02 năm 2014 ký giữa Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm. Hạn mức tín dụng là 349 tỷ VND, được sử dụng để thanh toán các chi phí của dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2. Thời hạn giải ngân trong vòng 18 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm trả lãi cao nhất của cùng loại đồng tiền nhận nợ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam cộng (+) 3,0%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Các khoản vay trên được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>30/6/2015</u> VND	<u>31/12/2014</u> VND
Trong vòng một năm	1.969.764.333.380	1.961.304.524.642
Trong năm thứ hai	1.821.982.468.017	1.875.510.143.164
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	5.265.482.318.726	5.128.858.346.963
Sau năm năm	4.173.498.279.193	4.950.232.968.302
Cộng	13.230.727.399.316	13.915.905.983.071
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày trên phần vay ngắn hạn)	1.969.764.333.380	1.961.304.524.642
Số phải trả sau 12 tháng	11.260.963.065.936	11.954.601.458.429

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Tại ngày 01/01/2014	5.000.000.000.000	196.652.770.150	19.578.570.341	3.263.095.057	307.570.541.617
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	330.600.299.579
Phân phối lợi nhuận	-	-	9.771.000.000	-	(24.407.000.000)
Trả cổ tức 2013	-	-	-	-	(275.000.000.000)
Tại ngày 01/01/2015	5.000.000.000.000	196.652.770.150	29.349.570.341	3.263.095.057	338.763.841.196
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	300.247.553.608
Phân phối lợi	-	-	4.333.841.196	-	(38.763.841.196)
Trả cổ tức 2014 (**)	-	-	-	-	(300.000.000.000)
Tại ngày 30/6/2015	5.000.000.000.000	196.652.770.150	33.683.411.537	3.263.095.057	300.247.553.608

Ngày 24 tháng 4 năm 2015, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc phân phối lợi nhuận năm 2014 theo Nghị quyết số 1771/NQ-ĐHĐCĐ như sau:

(*) Trích lập quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 4.333.841.196 VND và quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 34.430.000.000 VND;

(**) Chi trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2014 của Công ty với số tiền là 300 tỷ VND.

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi, tổng vốn điều lệ của Công ty là 5.000 tỷ VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp tại ngày	
	VND	%	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Tổng Công ty Phát điện 2	2.550.000.000.000	51,00%	2.550.000.000.000	2.550.000.000.000
Tổng Công ty Điện lực - Vinacomin	360.500.000.000	7,21%	360.500.000.000	360.500.000.000
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	87.228.350.000	1,74%	87.228.350.000	87.228.350.000
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ	37.771.650.000	0,76%	37.771.650.000	37.771.650.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	1.298.500.000.000	25,97%	1.274.500.000.000	1.274.500.000.000
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	450.000.000.000	9,00%	450.000.000.000	450.000.000.000
Cổ đông khác	216.000.000.000	4,32%	240.000.000.000	240.000.000.000
	5.000.000.000.000	100%	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000

Như trình bày tại Thuyết minh số 13, cổ phần của các cổ đông Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng Công ty Điện lực - Vinacomin, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt và Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ đã được cầm cố để bảo lãnh khoản vay dài hạn do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng là đầu mối.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN HẢI PHÒNGXã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	500.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	500.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

15. DOANH THU THUẦN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND</u>	<u>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND</u>
Hoạt động sản xuất điện		
Doanh thu bán điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam	5.074.090.096.185	4.104.491.378.499
	<u>5.074.090.096.185</u>	<u>4.104.491.378.499</u>

Tại thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty và Công ty Mua bán điện đang trong quá trình đàm phán để thống nhất về giá mua bán điện theo quy định tại Thông tư số 56/2014/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công thương theo yêu cầu của Cục Điều tiết Điện lực và Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Doanh thu bán điện của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 được xác định như sau:

- Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 28 tháng 02 năm 2015: doanh thu của Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 1 được xác định dựa trên giá điện quy định trong Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 03/2014/HĐ-NMĐ-HP của Hợp đồng mua bán điện; doanh thu của Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2 được xác định theo đơn giá thỏa thuận theo Hợp đồng mua bán điện Nhà máy nhiệt điện Hải Phòng 2 số 01/2015/HĐ-NMĐ-HP.
- Giai đoạn từ ngày 01 tháng 3 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015: doanh thu được xác định theo đơn giá do Công ty Mua bán điện tính toán trong biên bản đàm phán giá điện của Nhà máy điện Hải Phòng 1 và Hải Phòng 2 ngày 25 tháng 3 năm 2015 theo chỉ đạo của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại Văn bản số 1810/EVN-TTĐ-TCKT ngày 15 tháng 5 năm 2015.

Doanh thu bán điện của 2 nhà máy nhiệt điện trên sẽ được điều chỉnh lại khi có phê duyệt chính thức.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN HẢI PHÒNGXã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND
Hoạt động sản xuất điện	4.093.781.816.487	3.151.191.243.956
Chi phí than, dầu	2.871.165.664.182	2.271.889.406.344
Chi phí khấu hao	942.907.458.415	767.682.123.020
Chi phí sửa chữa thường xuyên	126.892.435.198	12.752.787.414
Chi phí lương và bảo hiểm xã hội	71.950.641.987	39.734.202.396
Chi phí phụ liệu	20.494.041.698	28.084.490.040
Chi phí khác	60.371.575.007	31.048.234.742
	4.093.781.816.487	3.151.191.243.956

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.191.939.129	1.374.411.899
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực hiện	85.589.649	-
	1.277.528.778	1.374.411.899

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND
Chi phí lãi vay	419.641.052.194	347.573.874.966
Phân bổ lỗ chênh lệch tỷ giá	-	60.000.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	220.422.514.377	222.310.322.205
	640.063.566.571	629.884.197.171

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND
Lợi nhuận trước thuế	300.278.740.757	296.283.259.179
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.009.548.013	1.859.312.731
Lợi nhuận tính thuế	301.288.288.770	298.142.571.910
Trong đó:		
- Lợi nhuận từ hoạt động chính	301.146.529.001	296.514.600.465
- Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động khác	141.759.769	(231.341.286)
Tổng thu nhập chịu thuế	301.288.288.770	298.142.571.910
Thuế suất ưu đãi	0%	0%
Thuế suất thông thường	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31.187.149	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	300.247.553.608	296.283.259.179
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	300.247.553.608	296.283.259.179
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	500.000.000	500.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	600	593

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.894.043.308.912	2.303.985.130.984
Chi phí nhân công	81.658.616.484	45.343.163.753
Chi phí khấu hao tài sản cố định	946.612.949.148	770.230.702.125
Chi phí dịch vụ mua ngoài	128.980.245.934	5.144.443.980
Chi phí bằng tiền khác	83.871.956.926	54.763.551.920
	4.135.167.077.404	3.179.466.992.762

22. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết vốn

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn đang thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản với các cam kết vốn có giá trị như sau:

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 1		
Tổng mức đầu tư	12.648.006.000.000	12.648.006.000.000
Đã thực hiện	12.604.206.419.810	10.610.494.301.570
Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2		
Tổng mức đầu tư	13.039.451.179.994	13.039.451.179.994
Đã thực hiện	12.144.271.559.998	12.144.271.559.998
Cam kết vay		
	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Tổng vốn vay cam kết	18.889.257.606.200	18.889.257.606.200
Vốn vay đã giải ngân	18.739.560.859.998	18.663.321.649.542

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 10 và số 13 trừ đi tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, thặng dư vốn cổ phần, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Các khoản vay	13.230.727.399.316	14.102.375.974.245
Trừ: Tiền	189.769.901.069	114.831.544.482
Nợ thuần	13.040.957.498.247	13.987.544.429.763
Vốn chủ sở hữu	5.533.846.830.352	5.568.029.276.744
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	2,4	2,5

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	189.769.901.069	114.831.544.482
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.479.921.584.018	1.201.913.434.892
Đầu tư dài hạn	5.000.000.000	5.000.000.000
Tổng cộng	1.674.691.485.087	1.321.744.979.374
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	13.230.727.399.316	14.102.375.974.245
Phải trả người bán và phải trả khác	567.696.099.450	491.074.555.914
Chi phí phải trả	460.944.918.549	346.157.296.842
Tổng cộng	14.259.368.417.315	14.939.607.827.001

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm/cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Đô la Mỹ	10.879.082.719.461	11.029.382.160.907	11.592.839	15.370.074
Yên Nhật	1.444.917.789.421	1.542.189.586.968	23.714.804	23.829.881

Phân tích độ nhạy ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng thay đổi tỷ giá của đồng Đôla Mỹ và Yên Nhật Bản.

Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 1% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/(tăng) các khoản tương ứng như sau:

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Đô la Mỹ	(108.790.711.266)	(110.293.667.908)
Yên Nhật	(14.448.940.746)	(15.421.657.571)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 24.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng cộng VND
30/6/2015				
Tiền	189.769.901.069	-	-	189.769.901.069
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.479.921.584.018	-	-	1.479.921.584.018
Đầu tư dài hạn	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Tổng	1.669.691.485.087	-	5.000.000.000	1.674.691.485.087

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng cộng VND
30/6/2015				
Các khoản vay	1.969.764.333.380	7.087.464.786.743	4.173.498.279.193	13.230.727.399.316
Phải trả người bán và phải trả khác	567.696.099.450	-	-	567.696.099.450
Chi phí phải trả	460.944.918.549	-	-	460.944.918.549
Tổng	2.998.405.351.379	7.087.464.786.743	4.173.498.279.193	14.259.368.417.315
Chênh lệch thanh khoản thuần	(1.328.713.866.292)	(7.087.464.786.743)	(4.168.498.279.193)	(12.584.676.932.228)

Y/S
HAI
E
M
HI

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN HẢI PHÒNGXã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)***

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền	114.831.544.482	-	-	114.831.544.482
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.201.913.434.892	-	-	1.201.913.434.892
Đầu tư dài hạn	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Tổng	1.316.744.979.374	-	5.000.000.000	1.321.744.979.374
31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng cộng VND
Các khoản vay	2.147.774.515.816	7.004.368.490.127	4.950.232.968.302	14.102.375.974.245
Phải trả người bán và phải trả khác	491.074.555.914	-	-	491.074.555.914
Chi phí phải trả	346.157.296.842	-	-	346.157.296.842
Tổng	2.985.006.368.572	7.004.368.490.127	4.950.232.968.302	14.939.607.827.001
Chênh lệch thanh khoản thuần	(1.668.261.389.198)	(7.004.368.490.127)	(4.945.232.968.302)	(13.617.862.847.627)

Ban Giám đốc đánh giá Công ty có rủi ro thanh khoản. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan**

Bên liên quan	Quan hệ
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Chủ sở hữu của Công ty mẹ
Tổng Công ty Phát điện 2	Công ty mẹ
Công ty Mua bán điện	Cùng thuộc Tập đoàn

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND
Bán điện		
Công ty Mua bán điện	5.074.090.096.185	4.104.491.378.499
Vay dài hạn và chi phí lãi vay		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
<i>Chi phí lãi vay và phí cam kết của khoản vay</i>	332.847.376.821	335.574.411.919
<i>Phí cam kết khoản vay dài hạn</i>	-	2.016.532.245
<i>Phí bảo lãnh khoản vay dài hạn</i>	22.109.239.349	16.895.235.645

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN HẢI PHÒNGXã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN**24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**


Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:


	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	11.983.144.994.278	12.571.571.747.875
Các khoản phải thu		
Công ty Mua bán điện	1.362.023.411.430	1.086.700.699.539
Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:		
	<u>Từ ngày 01/01/2015</u>	<u>Từ ngày 01/01/2014</u>
	<u>đến ngày 30/6/2015</u>	<u>đến ngày 30/6/2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hội đồng Quản trị	532.800.000	532.800.000
Ban Kiểm soát	93.000.000	86.400.000
Ban Giám đốc	756.000.000	722.891.800


25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được soát xét.



 Nguyễn Thường Quang
 Tổng Giám đốc


 Nguyễn Minh Thành
 Kế toán trưởng


 Phạm Quốc Toàn
 Người lập

Ngày 12 tháng 8 năm 2015